Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8307.90.00

Mã HS	8307.90.00
Mô tả hàng hóa	Ống dễ uốn bằng kim loại cơ bản, có hoặc không có phụ kiện để ghép nối / - Bằng kim loại cơ bản khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 08:59:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/83079000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12665
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12665
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12665
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12031
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11974
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11974
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11974
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11974
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11974
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11974
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12026
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12026

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12026
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12026
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12026
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12026
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12027
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12027
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12027
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12027
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12027
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12027
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12030
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11980
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11986
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11986
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11986
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11986
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11986
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11986
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12019
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12019
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12019
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12019
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12019
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12019
VCFTA	2022	2022	2	VC!D12064
VCFTA	2023	2023	1	VC!E12064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12064
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12064
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12064
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12064
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12049
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12049
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12049
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12049
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12049
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12049
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12049
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12049
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12049
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12049
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12049
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12049
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D12066
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E12066
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F12066
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12066
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12066
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12066
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D12065
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E12065
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F12065
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12065

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12065
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12065
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12012
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12012
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12012
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12012
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12012
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12012
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12012
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12049
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12049
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12049
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12049
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12049
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12049
RCEP B	2022	2022	0	B!D12049
RCEP B	2023	2023	0	B!E12049
RCEP B	2024	2024	0	B!F12049
RCEP B	2025	2025	0	B!G12049
RCEP B	2026	2026	0	B!H12049
RCEP B	2027	2027	0	B!I12049
RCEP C	2022	2022	0	C!D12049
RCEP C	2023	2023	0	C!E12049
RCEP C	2024	2024	0	C!F12049
RCEP C	2025	2025	0	C!G12049
RCEP C	2026	2026	0	C!H12049

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12049
RCEP D	2022	2022	0	D!D12048
RCEP D	2023	2023	0	D!E12048
RCEP D	2024	2024	0	D!F12048
RCEP D	2025	2025	0	D!G12048
RCEP D	2026	2026	0	D!H12048
RCEP D	2027	2027	0	D!I12048
RCEP E	2022	2022	0	E!D12052
RCEP E	2023	2023	0	E!E12052
RCEP E	2024	2024	0	E!F12052
RCEP E	2025	2025	0	E!G12052
RCEP E	2026	2026	0	E!H12052
RCEP E	2027	2027	0	E!I12052
RCEP F	2022	2022	0	F!D12049
RCEP F	2023	2023	0	F!E12049
RCEP F	2024	2024	0	F!F12049
RCEP F	2025	2025	0	F!G12049
RCEP F	2026	2026	0	F!H12049
RCEP F	2027	2027	0	F!I12049
VIFTA	2024	2024	9	VI!F11139
VIFTA	2025	2025	8	VI!G11139
VIFTA	2026	2026	7	VI!H11139
VIFTA	2027	2027	6	VI!I11139

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8307.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8307.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12665), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.